

TỪ NGHỆ THUẬT CHỈ ĐẠO CHIẾN DỊCH PLEIME NĂM 1965 ĐẾN NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ MANG TÍNH THỜI ĐẠI

Hoàng Việt Trung

Trường Trung học phổ thông Pleime, Chư Prông, Gia Lai

Tác giả liên hệ: viettrung88.quynhon@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 18/9/2020; Ngày nhận chỉnh sửa: 03/12/2020; Ngày duyệt đăng: 23/4/2021

Tóm tắt

Chiến dịch Pleime năm 1965 là trận mở đầu đánh Mỹ trên chiến trường Tây Nguyên, với thắng lợi đó đã mở ra nhận định bộ đội ta hoàn toàn có thể đối đầu và đánh thắng quân đội Mỹ cũng như đồng minh của chúng tại Tây Nguyên. Không chỉ vậy, chiến thắng Pleime còn thể hiện sự linh hoạt và sáng tạo của Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên trong việc triển khai nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch. Bằng phương pháp nghiên cứu lịch sử khoa học bài viết tập trung làm rõ nghệ thuật chỉ đạo trong chiến dịch Pleime năm 1965, qua đó rút ra được những bài học cho việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

Từ khóa: *Chiến dịch Pleime, nghệ thuật quân sự.*

FROM THE LEADERSHIP ART OF THE 1965 PLEIME CAMPAIGN TO THE HISTORIC LESSONS OF THE AGE

Hoang Viet Trung

Pleime High School, Chư Prông, Gia Lai

Corresponding author: viettrung88.quynhon@gmail.com

Article history

Received: 18/9/2020; Received in revised form: 03/12/2020; Accepted: 23/4/2021

Abstract

The 1965 Pleime campaign was the opening battle against the US on the battlefield of the Central Highlands and the campaign victory indicated that our army forces were able to confront and defeat the American army and their allies in the Central Highlands. Not only that, the Pleime victory also showed the flexibility and creativity of the Central Highlands Front Commands in implementing the art of campaign leadership. On historic data, the article focuses on clarifying the art of leadership in the 1965 Pleime campaign, thereby drawing lessons to building an all-people defense, people's security in developing and defending the country today.

Keywords: *Military arts, Pleime campaign.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.10.4.2021.887>

Trích dẫn: Hoàng Việt Trung. (2021). Từ nghệ thuật chỉ đạo Chiến dịch Pleime năm 1965 đến những bài học lịch sử mang tính thời đại. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 10(4), 107-115.

1. Đặt vấn đề

Chiến dịch Pleime mở màn vào ngày 19 tháng 10 năm 1965 và kết thúc sau hơn một tháng chiến đấu quyết liệt trên địa bàn rộng lớn thuộc khu 5 (huyện Chư Prông) bao gồm tứ giác: Pleime - Bàu Cạn - Ia Đrăng - Đức Cơ với không gian rộng khoảng 1.200 km². Mục tiêu của chiến dịch là tấn công trung tâm huấn luyện biệt kích Pleime (đồn Pleime) nằm ở phía Tây Nam Pleiku, qua đó tiêu diệt một bộ phận chủ lực nguy, sẵn sàng chiến đấu với quân Mỹ và quân đồng minh nếu như chúng tham chiến; mở rộng vùng giải phóng, xây dựng căn cứ địa, củng cố tuyến đường 14 đảm bảo lưu thông an toàn từ Bắc vào Nam. Tuy nhiên, trong quá trình tác chiến, Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên đã mưu trí và linh hoạt trong việc lựa chọn địa điểm mở màn chiến dịch, chủ động tạo thế trận đánh địch, dụ địch, buộc địch phải phân tán lực lượng, bị động đối phó với chủ lực của ta trên một địa bàn tác chiến rộng lớn và hiểm trở; đồng thời sáng tạo trong việc lợi dụng các yếu tố thế và thời để đánh địch. Nét độc đáo trong nghệ thuật tổ chức chiến dịch Pleime đã để lại nhiều bài học lịch sử sâu sắc trong xây dựng quốc phòng toàn dân ngày nay.

2. Sự sáng tạo trong nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch của ta

2.1. Chủ động lừa địch và kiên quyết vây đồn, diệt viện

Trung tâm biệt kích Pleime được chính quyền Sài Gòn xây dựng và bố phòng rất kiên cố như một tiền đồn để bảo vệ Pleiku từ phía Tây Nam, lợi dụng địa thế hiểm yếu của núi rừng Tây Nguyên, đồn Pleime được xây dựng trên ngọn đồi có độ cao 400 m, bên trong có sân bay dã chiến, có hệ thống giao thông hào, lương thực, quân dụng, máy truyền tin đều được cất dưới hầm. Để bảo vệ từ xa cho đồn Pleime, quân đội Sài Gòn đã xây dựng đài quan sát trên núi Chư Ho nằm ở phía Nam, cao 469 m. Từ phía Đông có núi Chư Gô cao 758 m như hai cánh tay không

lò om lấy đồn Pleime, tạo chỗ dựa vững trãi cho trung tâm biệt kích này.

Như vậy, về mặt bố phòng của trung tâm biệt kích Pleime được xây dựng rất thuận tiện cho việc phòng thủ trong công sự. Nếu bộ đội chủ lực của ta tổ chức tấn công trực diện, áp sát và thọc sâu vào bên trong cứ điểm của địch thì sẽ gặp nhiều bất lợi cho ta về tương quan lực lượng, hỏa lực và hậu cần. Bởi lẽ muốn đánh vào nơi địch đã có bố phòng, có phòng ngự, có trận địa vững chắc. Muốn đột phá thành công phải có sức mạnh. Thường lực lượng phải hơn địch gấp vài ba lần mới dễ thành công (Hoàng Minh Thảo, 2007, tr. 22), trong khi đó lực lượng chính của ta tham gia chiến dịch Pleime chỉ có một tiểu đoàn thuộc trung đoàn 320, trung đoàn 33 và trung đoàn 66. Vì vậy, cách tốt nhất để đánh địch không phải chỉ dùng sức mạnh để chống, mà còn phải dùng thuật để lừa (Trần Quốc Tuấn, 2002, tr. 208).

Trên cơ sở so sánh tương quan lực lượng và khảo sát thực địa chiến trường, Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên (B3) đã lựa chọn cách đánh vây đồn, diệt viện, đánh địch ngoài công sự, lên phương án “nhử địch” về hướng Đức Cơ, Tân Lạc, đồng thời tổ chức tấn công liên tục vào cứ điểm trọng yếu Pleime làm cho địch bị rối loạn và phán đoán sai hướng tấn công chính của bộ đội chủ lực ta.

Để đánh lạc hướng nhận định của quân đội Sài Gòn và cố vấn Mỹ tại Pleime, Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên quyết định chọn điểm “khêu ngòi” đầu tiên là cứ điểm Đức Cơ và uy hiếp đồn Tân Lạc làm điểm nghi binh. Đúng 19 giờ 30 phút, ngày 19 tháng 10 năm 1965 Tiểu đoàn pháo binh 200 tấn công vào căn cứ Đức Cơ, cùng lúc đó một đại đội của Tiểu đoàn 952 nổ súng tấn công vào đồn Tân Lạc. Khi bị bất ngờ tấn công, địch đã huy động máy bay, thả pháo sáng bắn phá xung quanh hai căn cứ này. Để tiếp tục đánh lạc hướng của địch, buộc chúng phải điều động lực lượng từ Kon Tum - Pleiku về ứng cứu và di chuyển lực lượng biệt kích ra ngoài công sự tại

đồn Pleime, Đại đội 2, Tiểu đoàn 15 Tinh đội Gia Lai tập kích tiêu diệt trung đội dân vệ của địch đang đóng giữ nhà thờ Mỹ Thạch (huyện Đức Cơ), buộc địch phải dùng máy bay C47 đến bắn phá và chi viện (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai, 2009, tr. 407). Với việc đánh lừa địch ở hướng Đức Cơ cách trại huấn luyện Pleime khoảng 30 km về phía Tây Bắc đã tạo điều kiện cho Trung đoàn 33 của ta bao vây, áp sát trung tâm biệt kích Pleime.

Tại chiến trường Pleime, đúng 22 giờ 55 phút ngày 19 tháng 10 năm 1965, các chiến sĩ Đại đội 3, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 33 có nhiệm vụ dùng một đại đội bộ binh tăng cường súng máy phòng không 12,7 mm nổ súng tấn công đồn Pleime, lấy hướng Tây Nam làm chủ yếu, các hướng Đông Nam và Đông Bắc làm nghi binh. Mục tiêu đầu tiên là tiêu diệt cứ điểm ngoại vi trên đồi Chư Ho, nơi đây có đài quan sát của địch, có hệ thống phòng không kiên cố do lính Việt Nam Cộng hòa canh giữ. Không nhằm tiêu diệt cứ điểm Chư Ho chớp nhoáng trong một đêm mà thực hiện chiến thuật áp sát địch, đánh công kiên liên tục, buộc chúng cô lập bị động trong chiến hào và phải nhờ sự ứng cứu, chi viện từ Quân đoàn II, tạo cơ hội để ta tiêu diệt viện binh của địch, hoàn thành kế sách vây đồn, diệt viện.

Kết cục chiến sự ở Pleime sau ba ngày tác chiến, bộ đội ta đã đào địa đạo áp sát hàng rào của trại biệt kích, có chỗ chỉ còn cách 50 m, bao vây, cô lập 400 tên lính ngụy và 12 cố vấn Mỹ trong công sự và làm chủ trận địa. Tình hình đó làm cho quân địch vô cùng hoảng loạn, nhất là tại tiền đồn quan sát trên đồi Chư Ho đã bị khống chế hoàn toàn, quân địch bắt đầu bộc lộ những hạn chế trong công sự như việc tiếp tế lương thực, tản thương, nước uống đều phải sử dụng trực thăng tiếp tế, trong khi đó pháo kích của Trung đoàn 33 phía ta đang nắm giữ trận địa, liên tục oanh kích trận địa đã làm phá sản kế hoạch tiếp tế bằng đường hàng không của chúng. Trong lúc hoảng loạn vì bị vây đồn, địch đã phải cầu cứu viện binh từ Pleiku xuống, từ

An Khê lên và từ Buôn Mê Thuột sang chi viện cho chiến trường Pleime.

Sáng ngày 23 tháng 10 năm 1965, Biệt khu 24 của địch đã ra lệnh cho Chiến đoàn 3 thiết giáp cùng 2 Tiểu đoàn biệt động số 21 và 22 và Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 42 sử dụng 12 máy bay ứng cứu cho chiến trường Pleime. Quân địch hành quân từ Pleiku đến ngã ba Phú Mỹ, theo đường 21 (tỉnh lộ 665) tiến thẳng vào trận địa Pleime. Ngoài ra, để đỡ đòn cho Chiến đoàn 3 thiết giáp có thể dễ dàng giải vây cho Pleime bằng đường bộ và đồng thời làm phân tán lực lượng chủ lực của ta, Quân đoàn II của địch còn cho dừng cuộc hành quân Thần Phong 6 ở Bình Định, điều hai tiểu đoàn kỵ binh bay từ An Khê lên Pleiku và huy động Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 42 với tổng số quân lên đến 1000 quân sẵn sàng ứng cứu giải vây cho Pleime.

Nắm chắc phương châm vây đồn diệt viện, tiêu diệt sinh lực địch, sẵn sàng đối đầu với quân Mỹ khi chúng ứng cứu cho Pleime. Bộ Tư lệnh chiến dịch đã điều động Trung đoàn 320 xây dựng trận địa phục kích tiến hành đào hào, lập công sự trên đoạn đường dài 4 km tại đường 21 (đoạn từ Phú Mỹ đến Pleime). Đến 16 giờ 30 phút ngày 23 tháng 10, lực lượng địch hành quân lần lượt tiến vào khu vực trận địa phục kích của ta. Bằng cách đánh bất ngờ, kết hợp tiến công bao vây, chia cắt từ nhiều hướng quân ta đã tiêu diệt được Chiến đoàn 3 thiết giáp, 1 tiểu đoàn và 1 đại đội bộ binh của địch (Dương Đình Lập, 2015).

Như vậy kế hoạch ứng cứu Pleime của địch có sự kết hợp cả không quân và bộ binh, với sự tham gia cả quân ngụy và quân viễn chinh Mỹ đã không diễn ra theo đúng ý đồ của chúng. Kế hoạch vây đồn diệt viện của Bộ Tư lệnh mặt trận đã phát huy hiệu quả ngay từ những ngày đầu của chiến dịch Pleime.

2.2. Chủ động tạo lập thế trận liên hoàn đánh địch có chiều sâu

Với sức mạnh về hỏa lực hiện đại, binh lực đông và tinh nhuệ, trong chiến lược Chiến tranh

Cục bộ, Mỹ và chính quyền Sài Gòn muốn thực hiện âm mưu đẩy lùi chủ lực của ta về phía bên kia vĩ tuyến 17, làm cho cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam tàn lụi dần. Đặc biệt, trong chiến lược Chiến tranh Cục bộ, Mỹ còn huy động thêm hai vạn lính đánh thuê cùng tham chiến ở miền Nam. Chính vì vậy, khi đặt chân lên địa bàn Tây Nguyên chúng muốn được phô trương sức mạnh quân sự áp đảo chủ lực của ta, giành thế chủ động trên chiến trường và tạo thanh thế với quân đội đồng minh. Tuy nhiên, trận giải cứu trại biệt kích Pleime đã không diễn ra như kế hoạch ban đầu của chúng, do đó bằng mọi cách chúng đã tăng cường lực lượng từ sân bay Pleiku và Buôn Ma Thuột cho Pleime, hỗ trợ cho Chiến đoàn 3 rút lui khỏi trận địa phục kích của ta.

Nhận thấy, trận mở màn tại Đức Cơ, Tân Lạc và trận đánh vây đồn, diệt viện tại Pleime đã đủ làm cho địch lúng túng và phản ứng theo dây chuyền, phải điều động lực lượng ứng cứu từ nhiều nơi, quân Mỹ đã trực tiếp phải tham chiến. Ngày 26 tháng 10 năm 1965, Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên quyết định rút lui khỏi đồn Pleime, di chuyển Trung đoàn 33 và Trung đoàn 320 về phía Đông Nam Ia Đrăng, tạo lập thế trận then chốt, như địch vào trận địa phục kích chiến lược của ta để tiêu diệt quân Mỹ khi chúng vừa đổ bộ. Đây là sự linh hoạt và sáng tạo của Bộ Tư lệnh mặt trận trong việc tạo thế trận tiêu diệt địch.

Ngay khi phát hiện hướng di chuyển của Trung đoàn 33, 320 của ta theo hướng Ia Đrăng cách Pleime 25km về phía Tây Bắc, Quân đoàn 2 của địch đã vội vã tổ chức cuộc hành quân “Long Reach” huy động lực lượng của Sư đoàn số 1 không vận Hoa Kỳ đóng tại căn cứ An Khê có khả năng di chuyển nhanh nhất thế giới lúc bấy giờ làm chủ lực, kết hợp với Lữ đoàn dù Việt Nam Cộng hòa đổ bộ vào Ia Đrăng. Để thuận lợi cho lực lượng dù của địch tiếp cận địa điểm Ia Đrăng, chúng đã cho Lữ đoàn 1 của Sư đoàn số 1 không vận tấn công Ia Mơ cách đồn Pleime 10 km về phía Tây Nam, đồng thời cho Lữ đoàn 3,

Sư đoàn số 1 không vận đổ bộ xuống Bàu Cạn và Plei Ngo.

Với phương châm chủ động tấn công ngay khi chúng vừa đặt chân xuống địa bàn huyện 5 (huyện Chư Prông), đồng thời làm thất bại âm mưu phân tán chủ lực ta thành nhiều mảng để dễ dàng tiêu diệt của quân đội Mỹ, buộc chúng phải chiến đấu trên địa bàn chiến lược mà ta đã chuẩn bị sẵn. Bộ Tư lệnh mặt trận B3 đã tổ chức cho bộ đội chủ lực gồm Trung đoàn 320, Trung đoàn 33 và Trung đoàn 66 phục kích tại khu vực thung lũng Ia Đrăng sẵn sàng tiêu diệt địch, đồng thời sử dụng lực lượng bộ đội địa phương, dân quân du kích đón lõng, đánh địch tại mặt trận Ia Mơ và mặt trận Bàu Cạn, Plei Ngo.

Tại mặt trận Ia Mơ: Trong các ngày 4 và 5 tháng 11 năm 1965, Trung đội du kích các xã Ia Mơ (huyện Chư Prông), xã Ia Pnôn (huyện Đức Cơ) phục kích tiêu diệt địch, bảo vệ hậu phương và căn cứ quân y của chiến dịch đóng quân tại phía Tây Nam Ia Đrăng.

Tại mặt trận Bàu Cạn, Plei Ngo: Ngày 10 tháng 11, tướng Kina, Tư lệnh Sư đoàn số 1 không vận gấp rút điều Lữ đoàn 3 không vận từ căn cứ An Khê đổ bộ xuống Bàu Cạn và Plei Ngo. Đêm ngày 11 tháng 11, tiểu đoàn đặc công 952 có du kích xã E5 (Ia Phìn) và các chiến sĩ đội vũ trang biệt động thị xã Pleiku dẫn đường bất ngờ tập kết vào sở chỉ huy hành quân và sân bay dã chiến Bàu Cạn. Bị bất ngờ tấn công, địch đã điều động Tiểu đoàn 1 của Lữ đoàn 3 tấn công vào Bắc Chư Prông, Tiểu đoàn 2 tiến vào Plei Klăh và Nam Ia Đrăng. Tuy nhiên, tại Chư Prông chúng đã lọt vào trận địa phục kích của Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 66 chặn đánh, tiêu diệt một đại đội địch. Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 66 chặn đánh địch tại Plei Klăh và Nam Ia Đrăng, tiêu diệt Đại đội 2 của địch.

Như vậy, với cách đánh vu hồi và phân tán trong kế hoạch tấn công vào thế trận chiến lược Ia Đrăng của Mỹ và quân đội Sài Gòn nhằm yểm trợ cho không quân khi tiếp cận Ia Đrăng đã không

diễn ra như những gì chúng mong đợi. Sự thất thủ tại hai mũi tấn công đầu tiên của địch trước khi đánh Ia Đrăng đã gây bất lợi lớn cho lực lượng địch tại thung lũng tử thần này.

Quyết chiến chiến lược tại thung lũng Ia Đrăng: Ngày 17 tháng 11 năm 1965, cuộc chiến diễn ra quyết liệt, quân ta gồm Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 66 kết hợp với Trung đoàn 320 và Trung đoàn 33 chủ động đánh địch ngay khi lính dù của địch vừa đổ bộ xuống mặt đất. Cuộc đổ bộ bằng đường không do Tiểu đoàn 1 thuộc Sư đoàn số 7 không vận và chia thành 4 Đại đội A, B, C và D đáp xuống phía Tây và Tây Nam. Tuy nhiên, khi Đại đội A và B của địch vừa đổ bộ đã bị chủ lực ta tấn công liên tục cả hai bên sườn trái và phải khiến chúng lâm vào thế cô lập, hai Đại đội C và D của địch vừa đáp xuống đã phải căng sức chống đỡ đòn tấn công bất ngờ như trời giáng khiến chúng hoảng loạn và không thể ứng cứu cho hai đại đội đang cô lập giữa thung lũng, toàn bộ Tiểu đoàn 1, Sư đoàn số 7 không vận của địch bị xé lẻ thành nhiều mảng. Cuộc chiến diễn ra nhanh và bị áp sát nên địch không phát huy được ưu thế về binh lực và hỏa lực, chỉ huy địch không kịp xác định được vị trí của các trung đội, đại đội trực thuộc, pháo kích của địch không thể phát huy trong địa hình cây cối um tùm, rậm rạp, chúng chỉ có thể bắn pháo yểm trợ vào sườn núi. Đến 20 giờ ngày 17 tháng 11 Trung tá Moore quyết định rút lui các đại đội dù co cụm về phòng thủ đêm. Đồng thời tướng Oétmolen tăng cường thêm Tiểu đoàn 2 Sư đoàn số 7 không vận dùng máy bay trực thăng đến ứng cứu quân Mỹ đang bị bao vây. Sáng ngày 18 tháng 11, hai chiến đoàn lính dù số 1 và số 2 của Ngụy đổ bộ xuống Ia Poman và Ia Lâu đã rơi vào trận địa phục kích của Trung đoàn 320, quân ta tiếp tục chiến thuật đánh giáp lá cà, áp sát quân địch, không cho chúng phát huy sở trường về hỏa lực, cuộc chiến diễn ra quyết liệt làm địch không thể ứng cứu cho nhau. Trước tình thế bất lợi như vậy, ngày 19 tháng 11 tướng Oétmolen đã cho máy bay B52 ném bom rải thảm xung

quanh thung lũng Ia Đrăng, đồng thời tạo hòa mù để quân Mỹ rút khỏi thung lũng tử thần này.

Cuộc chiến đấu ở thung lũng Ia Đrăng tiếp tục diễn ra từ ngày 20 đến ngày 26 tháng 11 năm 1965. Tuy nhiên, lần này Mỹ đã cân nhắc và chuyển giao nhiệm vụ trọng yếu cho quân đội Sài Gòn, chúng huy động gần hết lực lượng lính dù thuộc Chiến đoàn 1 và 2, tiểu đoàn 3, 5, 6, 7 và 8, cả năm tiểu đoàn này được tập hợp từ Sài Gòn, Biên Hòa, Vũng Tàu, Phú Yên tập trung về Pleiku, riêng các Lữ đoàn lính Mỹ thuộc Sư đoàn số 1 không vận chỉ làm nhiệm vụ yểm trợ đường không và không dám tham chiến trực tiếp, cuộc hành quân này được gọi là “Thần phong 7” với chiến thuật “nhảy cóc sâu”, “khoanh vùng rộng”. Mặc dù được tổ chức quy mô lớn và rất bài bản, nhưng chủ lực tham chiến là quân đội Sài Gòn nên đã bộc lộ nhiều hạn chế trong tác chiến, chúng khó khăn trong việc phối hợp tác chiến giữa các tiểu đoàn trên địa bàn rừng núi và liên tục bị tấn công đột kích, đánh áp sát.

Vì vậy, ta đã chủ động tạo lập thế trận liên hoàn, vững chắc, có chiều sâu nhằm hạn chế và vô hiệu hóa biện pháp tác chiến này của địch. Theo đó, thay vì bố trí đội hình tập trung, đón lõng... có tính ổn định như trước đây vẫn làm, quân ta chủ trương đánh vu hồi, linh hoạt đánh địch đổ bộ trên các hướng. Đồng thời, tổ chức bố trí các bộ phận làm nhiệm vụ nghi binh, kiềm chế, thu hút địch trên từng khu vực và có lực lượng luân phiên làm nhiệm vụ dự bị. Với thế trận này, nếu địch liều lĩnh đổ bộ vào bất cứ khu vực nào ở Ia Đrăng cũng đều bị đánh từ trước mặt, sau lưng hoặc bên sườn. Không những thế, cách bố trí này còn tạo thuận lợi cho các đơn vị chủ động phối hợp, chi viện lẫn nhau trong suốt quá trình tác chiến; khi cần thiết vẫn có thể dễ dàng tập trung lực lượng đánh tiêu diệt lần lượt từng đại đội, tiểu đoàn quân Mỹ, giành thắng lợi (Nguyễn Đông, 2005). Kết cục, ngày 26 tháng 11 năm 1965, quân địch rút khỏi toàn bộ thung lũng Ia Đrăng trong sự truy kích quyết liệt của chủ lực ta.

2.3. Vận dụng linh hoạt mưu kế thế - thời để đánh địch

Đối đầu với lực lượng quân đội tinh nhuệ của Mỹ tại chiến dịch Pleime mà chỉ sử dụng lực lượng đông gấp nhiều lần để áp đảo và tiêu diệt địch là một bất lợi cho bộ đội ta. Vì vậy, phải vận dụng sáng tạo nghệ thuật đánh giặc ngàn năm của cha ông là phải dùng mưu kế thế - thời, tránh dùng lực, trong đó: “Thế là vị trí, hoàn cảnh, điều kiện, xu hướng, chỗ đứng trong không gian; là địa điểm so với đối tượng tác động. Thời là thời cơ, thời điểm, cơ hội, là hoàn cảnh, điều kiện vận động phát triển của sự vật. Là đấu tranh khi mâu thuẫn phát triển đến cực điểm, đến cái nút cần tháo gỡ. Thời cơ do sự năng động chủ quan hoặc do sai lầm của địch đưa đến. Thời cơ thường xuất hiện đột ngột và cũng mất đi nhanh chóng. Cho nên phải biết chớp lấy thời cơ, nhanh chóng hành động giành thắng lợi” (Hoàng Minh Thảo, 2007, tr. 33).

Xét về yếu tố thế, trong chiến dịch Pleime, quân ta chọn Pleime là điểm mở đầu chiến dịch và lấy Ia Đrăng là điểm kết thúc chiến dịch bởi cả hai địa điểm này có nhiều địa thế đặc lợi cho ta và bất lợi cho địch vì:

Pleime nằm trên địa thế hiểm trở, bao bọc bởi các ngọn núi Chư Ho, Chư Hoa, Chư Gô, đồn nằm trên một quả đồi cao chừng 400 m so với mực nước biển, với cách bố trí của địch tại Pleime chỉ thuận cho việc phòng thủ trong công sự không thuận cho việc tấn công bên ngoài công sự, nhất là khi cứ điểm tiền đồn trên núi Chư Ho bị tiêu diệt, pháo binh ta làm chủ trận địa thì sẽ làm thất bại mọi khả năng giải cứu bằng đường hàng không. Bên cạnh đó, các tuyến đường bộ di chuyển vào trung tâm biệt kích Pleime chỉ có hai con đường duy nhất, một lối đi từ quốc lộ 14 từ Pleiku tới Phú Nhơn rẽ theo hướng Tây dọc chân núi Chư Gô đến Pleime, con đường này có tới 5 chiếc cầu đều bị ta đánh sập nên việc chi viện của địch không thể thực hiện được. Con đường thứ hai vào Pleime là đi từ Pleiku theo quốc lộ

14 xuống ngã ba Phú Mỹ theo đường 21 đi vào hướng Tây Nam 25 km, tuy nhiên con đường này rất dễ bị phục kích tại các điểm cao trên đồi Độc lập, đồi le dọc hai bên đường.

Ngoài ra, địa hình ở Pleime còn bị chia cắt thành nhiều thung lũng nhỏ, hẹp bởi các dòng chảy Ia Lốp, Ia Đrăng, Ia Mơ, cây cối um tùm vì vậy rất thuận lợi cho quân ta trong việc hành quân dưới sự che chở của cây rừng và thực hiện cách đánh áp sát, vu hồi, đột kích bất ngờ từ nhiều phía, trong trường hợp rút lui đã có nui cao làm “cửa hậu”.

Về vị trí đặc lợi của thung lũng Ia Đrăng nằm ngay dưới chân núi Chư Pông, cách xa hậu phương của địch, gần căn cứ của ta, nơi đây là một thung lũng nhỏ, hẹp được bao phủ bởi cây cối. Việc hành quân của địch buộc phải đi theo con đường từ Pleiku tới Bàu Cạn và tiến vào vùng huyện 5, con đường này khá dài và rất dễ bị phục kích. Ngoài ra sử dụng vận chuyển bằng đường hàng không là một lợi thế nhưng lại không tiện lợi cho cách tác chiến dàn trận, đánh lớn vì địa hình liên tục bị chia cắt bởi sông, suối và đồi núi.

Do vậy, chọn đánh địch ở Pleime và Ia Đrăng là sự sáng tạo của bộ đội B3 trong việc lợi dụng địa thế để tạo lập thế trận đánh giặc. Lợi dụng những ưu thế của địa hình, quân ta phát huy được các chiến thuật như đánh gần, đánh đêm, đánh thọc sâu và chia cắt địch.

Xét về yếu tố thời, trong chiến dịch Pleime, quân ta chủ động tổ chức chiến dịch vào thời điểm giữa tháng 10 năm 1965 và kết thúc vào cuối tháng 11. Đây là thời điểm Tây Nguyên ở vào giai đoạn cuối mùa mưa đầu mùa khô, thường xuyên xuất hiện những cơn mưa giông rất lớn, cây cối phát triển, tán lá rậm rạp che kín mặt đất rất thuận lợi cho việc di chuyển và tác chiến của ta và bất lợi cho địch trong hành quân di chuyển, sức mạnh hỏa lực không thể phát huy trong điều kiện như vậy.

Yếu tố thời trong chiến dịch Pleime còn được thể hiện ở chỗ ta chọn đánh Mỹ ngay khi

chúng vừa đặt chân lên chiến trường Gia Lai, chúng cần thời gian để củng cố, chuyển giao địa bàn chiếm đóng và nắm bắt tình hình trận địa: “Gia Lai là địa bàn quân viễn chinh Mỹ và chư hầu đến sớm nhất Tây Nguyên. Tháng 7/1965, đơn vị tiền trạm đầu tiên của Sư đoàn số 1 không vận Mỹ đã đến sân bay Tân Tạo (An Khê), tháng 8/1965 Mỹ đưa Lữ đoàn 3 Sư đoàn đoàn 25 bộ binh vào cắm chốt ở Kơ ti (Biển Hồ); Lữ đoàn dù 173 được đưa vào chốt ở Đông Bắc Biển Hồ, Sư đoàn 22 của Sài Gòn về các sân bay Cù Hành, Area...” (Lịch sử Đảng bộ huyện Chư Prông, 2010, tr. 264). Đặc biệt, sau thất bại nặng nề ở Đức Cơ và Kon Tum, “địch thay đổi cơ cấu tổ chức, nhằm củng cố và tăng cường sức chiến đấu cho lực lượng chủ lực và địa phương, thực hiện ý đồ co cụm lớn, bảo vệ những nơi xung yếu như quận lỵ, thị trấn, thị xã, đường giao thông chiến lược, ngăn chặn ta tiến công. Tiểu khu Kon Tum, Pleiku tách khỏi vùng chiến thuật 2, thành lập Biệt khu 24. Chúng tổ chức thêm trong một trung đoàn bộ binh tiểu đoàn chiến đấu thứ tư và tăng cường cho Biệt khu 24 Trung đoàn 42 Cộng hòa, bỏ tổ chức vùng chiến thuật, thành lập Quân khu 2” (Lực lượng vũ trang nhân dân Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ, 1980, tr. 45). Như vậy, quân đội Mỹ sẽ chiếm đóng các vùng chiến thuật quan trọng như Biển Hồ, Pleiku, Kon Tum, các tuyến đường giao thông huyết mạch như sân bay Tân Tạo, sân bay Pleiku... còn quân đội Sài Gòn tiến sâu vào địa bàn các huyện, xã làm nhiệm vụ “Bình định an dân”, quá trình này cần rất nhiều thời gian và chia thành ba bước đó là: “Càn quét, cày ải và phát quang nhằm đánh bật dân ra khỏi vùng giải phóng; gom xúc dân vào khu đồn trong vùng địch kiểm soát; tổ chức phân loại dân, lập bộ máy hành chính cảnh sát” (Lịch sử Đảng bộ huyện Chư Prông, 2010, tr. 266). Đây là thời cơ thuận lợi để quân ta chủ động mở chiến dịch, buộc quân Mỹ và chư hầu của chúng phải bị động đối phó với ta trong khi tổ chức của chúng chưa thực sự ổn định.

3. Bài học lịch sử từ chiến dịch Pleime đối với sự nghiệp bảo vệ tổ quốc hiện nay

Nghệ thuật tác chiến trong chiến dịch Pleime năm 1965 của Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên là sự đúc kết và kế thừa nghệ thuật truyền thống đánh giặc giữ nước nghìn năm của cha ông ta, đồng thời đó còn là việc vận dụng sáng tạo quan điểm của Mác-xít về chiến tranh nhân dân. Thắng lợi của quân và nhân dân các dân tộc Tây Nguyên trong trận đầu đánh Mĩ năm 1965 đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm, cụ thể:

Thứ nhất là bài học về phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân.

Bởi lẽ, nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch chỉ có thể phát huy sức mạnh tối ưu khi nó được xây dựng trên tinh thần yêu nước, ý chí đánh giặc quyết cường của nhân dân ta. Qua diễn tiến chiến dịch Pleime đã cho thấy Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên đã phát huy tối đa tinh thần yêu nước của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên và tạo được thế trận lòng dân vững chắc. Trước khi mở màn chiến dịch Pleime, Tỉnh ủy và Tỉnh đội Gia Lai đã cử các đoàn cán bộ xuống các xã thuộc địa bàn huyện 5 (Chư Prông) vận động đồng bào đi dân công, huy động vật chất cho chiến dịch đến vụ mùa năm 1965 đồng bào trong vùng căn cứ đã quây góp hết lúa, ngô cho chiến dịch, chỉ giữ lại số ít đủ ăn và làm giống cho vụ sau. Kết quả, đã có 1.200 tấn lương thực, thực phẩm của nhân dân khu 4 và khu 5 huy động cho chiến dịch và hơn 2.500 thanh niên các dân tộc tham gia chiến dịch này. Đó chính là cơ sở cho bộ đội ta thực hiện triệt để phương châm ba bám là “bám đánh địch”, “bám dân lãnh đạo” và “bám ruộng rẫy sản xuất” (Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chư Prông, 2010, tr. 282). Có thể nói, xây dựng thế trận lòng dân là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong suốt chiều dài hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, điều đó thể hiện quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Chính vì vậy,

phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân, xây dựng thể trận lòng dân là một trong những nguyên nhân chủ quan đưa đến mọi thắng lợi của Đảng ta.

Thứ hai là bài học về giữ thể chủ động tiến công trong mọi hoàn cảnh.

Trong chiến tranh chỉ có kiên trì tiến công mới hình thành được thể mạnh, giữ vững và mở rộng quyền chủ động, đẩy địch vào thế yếu, thế bị động. Lênin đã khẳng định: “Đứng trên quan điểm vô sản thì bá quyền lãnh đạo trong chiến tranh thuộc về bên nào kiên trì hơn cả, bên nào lợi dụng mọi cơ hội để tiến đánh kẻ thù” (Nguyễn Xuân Tú, 2003, tr. 220). Tiến công là quy luật giành thắng lợi của cách mạng và chiến tranh cách mạng ở nước ta, trước bất kỳ một kẻ thù nào. Nắm vững tư tưởng kiên quyết thực hành chiến lược tiến công, trong chiến dịch Pleime Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên đã chủ động lên phương án như địch làm chúng phán đoán sai hướng tấn công của chủ lực ta, tiếp đó là chủ động vây đồn, diệt viện với phương châm du địch ra ngoài công sự. Tính chủ động trong chiến dịch Pleime còn được thể hiện ở chỗ bộ đội ta chủ động chọn hướng tấn công, chủ động rút lui và tạo lập thể trận có lợi cho ta, buộc địch phải bị động đối phó với ta trên địa bàn mà chúng gặp nhiều bất lợi. Chỉ có tiến công mới tiêu diệt được địch, chủ động đánh địch đó chính là tư tưởng quyết chiến quyết thắng của quân đội ta trong suốt hai cuộc kháng chiến trường kỳ dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ngày nay, chủ động trong đấu tranh quốc phòng - an ninh là một trong những mục tiêu trọng tâm được Đảng nêu trong Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, Cương lĩnh đã khẳng định phải chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu,

thường xuyên của Đảng.

Thứ ba là bài học về tạo lập thể trận có lợi cho ta, phá vỡ thể trận của địch.

Theo tác giả Phạm Bá Toàn việc tạo lập thể trận có lợi cho ta để thuận lợi cho việc phá thể trận của địch xuất phát từ: “ý định và cách đánh của ta, từ điều kiện bảo đảm vật chất, điều kiện địa hình và từ so sánh lực lượng giữa ta và địch” (Phạm Bá Toàn, 2015, tr. 175). Mục đích của việc tạo lập thể trận có lợi cho ta là nhằm chia cắt thể trận của địch, làm cho địch bị phân tán lực lượng hoặc bị cô lập từ đó phá vỡ thể liên hoàn của địch, làm hạn chế khả năng cơ động chiến lược của địch. Trong chiến dịch Pleime, Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên đã chủ động tạo lập thể trận, chủ động chia cắt địch buộc chúng phải tác chiến trên địa bàn có lợi cho ta. Như vậy, chủ động tạo lập thể trận đánh địch có lợi cho ta là một tư duy nghệ thuật sáng tạo trong chỉ đạo chiến dịch của bộ đội ta. Vì vậy, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay cần phải kết hợp xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng thể trận lòng dân vững chắc luôn được coi là nền tảng "gốc rễ", là nghệ thuật đặc sắc, yếu tố quyết định tạo nên thể trận liên hoàn, toàn diện, tạo lên sức mạnh tổng hợp của dân tộc ta.

Thứ tư là phát huy sức mạnh tổng hợp lực lượng ba thứ quân, tận dụng tối đa nguồn lực tại chỗ.

Với vai trò là lực lượng xung kích, chủ lực trong đấu tranh vũ trang và là chỗ dựa cho quần chúng nhân dân trong đấu tranh vũ trang, lực lượng ba thứ quân gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích đã phát huy sức mạnh tổng hợp để tiêu diệt địch, tạo thể trận vững chắc trong hợp đồng tác chiến. Trong chiến dịch Pleime, Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên đã sáng tạo và linh hoạt trong việc sử dụng các tiểu đoàn chủ lực của Trung đoàn 33, Trung đoàn 320, Trung đoàn 66 tập trung vào những vị trí then chốt để bao vây, tiến công địch tại cứ điểm

mạnh nhất của địch như căn cứ Chư Ho, căn cứ trại biệt kích Pleime và thung lũng Ia Đrăng, bên cạnh đó có sự phối hợp nhịp nhàng với lực lượng bộ đội địa phương là Tiểu đoàn 952 và dân quân du kích tại chỗ chiến đấu ngăn chặn các mũi tấn công vu hồi của địch tại Ia Mơ và Bàu Cạn tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực tiêu diệt các mũi tấn công chính diện của địch tại Ia Đrăng. Ngoài ra, lực lượng dân quân du kích và bộ đội địa phương thường xuyên tổ chức những trận đánh giao thông, chia cắt vận chuyển của địch, góp phần ngăn cản quá trình tiếp viện quân sự của địch. Từ sự phối hợp nhịp nhàng giữa lực lượng chủ lực với lực lượng địa phương đã tạo ra sức mạnh tổng hợp cho bộ đội ta.

4. Kết luận

Chiến dịch Pleime năm 1965 nổ ra và giành thắng lợi đã khẳng định rằng quân đội chủ lực của ta có thể tiêu diệt các tiểu đoàn lính Mỹ, đánh bại các chiến thuật trực thăng vận cơ động của quân đội Mỹ với vũ khí hiện đại và những đội quân tinh nhuệ của chúng. Qua đó càng thôi thúc và củng cố niềm tin vào khả năng đánh thắng giặc Mỹ của đồng bào các dân tộc tỉnh Gia Lai. Đặc biệt với nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch như chủ động lừa địch, tạo lập thế trận đánh địch và vận dụng mưu kế thế, thời để đánh địch trong chiến dịch Pleime đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị, góp phần làm phong phú hơn kho tàng lý luận quân sự của dân tộc ta. Đồng thời còn là bài học quan trọng cho việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội hiện nay./.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh Gia Lai. (2009). *Lịch sử Đảng bộ Tỉnh Gia Lai (1945-2005)*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện Chư Prông. (2010). *Lịch sử Đảng bộ Huyện Chư Prông (1945-2010)*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Dương Đình Lập. (2015). Lập thế, tạo thế trong trận then chốt. *Quân đội nhân dân Online*. Truy cập từ <https://www.qdnd.vn/quoc-phong-an-ninh/xay-dung-quan-doi/lap-the-tao-the-trong-tran-then-chot-257878>.
- Hoàng Minh Thảo. (2007). *Bàn về nghệ thuật quân sự*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Lực lượng vũ trang nhân dân Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ (1980). Hà Nội: NXB Quân đội nhân dân.
- Nguyễn Đông. (2015). Nét đặc sắc của nghệ thuật tác chiến trận Ia Đrăng năm 1965. *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*. Truy cập từ <http://tapchiquptd.vn/vi/tim-hieu-truyen-thong-quan-su/net-dac-sac-cua-nghe-thuat-tac-chien-tran-ia-drang-nam-1965/8339.html>.
- Nguyễn Xuân Tú. (2003). *Đảng chỉ đạo giành thắng lợi từng bước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thời kỳ 1965 - 1975*. Hà Nội: NXB Lao động.
- Phạm Bá Toàn. (2015). *Quyết định lịch sử*. Hà Nội: NXB Quân đội nhân dân.
- Trần Quốc Tuấn. (2002). *Binh thư yếu lược*. Hà Nội: NXB Công an Nhân dân.